

CÔNG TY CỔ PHẦN TƯ VẤN
XÂY DỰNG LIÊN HIỆP

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Số: 222.../ QĐLH-2020.

Vũng Tàu, ngày 20 tháng 6 năm 2020.

QUYẾT ĐỊNH CỦA GIÁM ĐỐC
CÔNG TY CỔ PHẦN TƯ VẤN XÂY DỰNG LIÊN HIỆP

(Về việc: Thành lập ban chỉ đạo thực hiện xây dựng hệ thống Quản lý chất lượng
ISO/IEC 17025 : 2017).

- Căn cứ Nghị định số: 62/2016/NĐ - CP ngày 01 tháng 7 năm 2016 của Chính Phủ về việc: Quy định về điều kiện hoạt động giám định tư pháp xây dựng và thí nghiệm chuyên ngành xây dựng.

- Căn cứ vào tình hình hoạt động cũng như nhu cầu Quản lý Phòng thí nghiệm Vật liệu Xây dựng – Kết cấu công trình Las - XD 455.

- Căn cứ vào chức năng, nhiệm vụ và quyền hạn của Giám đốc Công ty Cổ phần Tư vấn Xây dựng Liên Hiệp.

QUYẾT ĐỊNH

Điều 1: Nay thành lập ban chỉ đạo thực hiện xây dựng hệ thống Quản lý chất lượng ISO/IEC 17025 : 2017.

Các thành viên gồm có:

- + Bà : Nguyễn Thị Thom – Trưởng phòng thí nghiệm – Trưởng ban.
- + Ông : Hoàng Thành – Phòng thí nghiệm – Phó ban.
- + Ông : Nguyễn Xuân Trường – Phó trưởng phòng – Thành viên.
- + Ông : Hoàng Đình Dũng – Phòng thí nghiệm – Thành viên.

Điều 2: Bà trưởng ban có trách nhiệm.

+ Đảm bảo quá trình xây dựng hệ thống Quản lý chất lượng ISO/IEC 17025 : 2017 đi đúng lộ trình, tiến độ đặt ra.

+ Đảm bảo cho các thành viên khác trong phòng thí nghiệm nhận thức tốt về hệ thống Quản lý chất lượng ISO/IEC 17025 : 2017.



Điều 3: Các ông/bà có tên trên chịu trách nhiệm thi hành quyết định này.
Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký.

Nơi nhận

- Như điều 3
- Lưu VP

CTY CP TƯ VẤN XD LIÊN HIỆP

GIÁM ĐỐC



Nguyễn Chơn Xuân



CÔNG TY CỔ PHẦN TƯ VẤN
XÂY DỰNG LIÊN HIỆP

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Số: 258.../ QĐLH-2020.

Vũng Tàu, ngày 20 tháng 7 năm 2020.

QUYẾT ĐỊNH

(Về việc: Ban hành, triển khai và vận hành nội bộ Hệ thống Quản lý chất lượng ISO/IEC 17025 : 2017)

GIÁM ĐỐC

CÔNG TY CỔ PHẦN TƯ VẤN XÂY DỰNG LIÊN HIỆP

- Căn cứ Bộ luật lao động được quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam khóa XIII, kỳ họp thứ 3 thông qua ngày 18 tháng 06 năm 2012
- Căn cứ vào chức năng, nhiệm vụ và quyền hạn của Giám đốc Công ty Cổ phần Tư vấn Xây dựng Liên Hiệp.
- Căn cứ vào nhu cầu Quản lý Phòng Thí nghiệm Vật liệu Xây dựng – Kết cấu công trình.

QUYẾT ĐỊNH

Điều 1: Nay ban hành, triển khai và vận hành nội bộ Hệ thống Quản lý chất lượng ISO/IEC 17025 : 2017 cho Phòng Thí nghiệm Vật liệu Xây dựng – Kết cấu công trình thuộc Công ty Cổ phần Tư vấn Xây dựng Liên Hiệp.

Điều 2: Phòng Thí nghiệm Vật liệu Xây dựng – Kết cấu công trình chịu trách nhiệm triển khai và vận hành theo các quy trình của Hệ thống Quản lý chất lượng ISO/IEC 17025 : 2017.

Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký.

Nơi nhận

- Như điều 2
- Lưu VP



Nguyễn Chơn Xuân

TT01-KSTL

DANH MỤC TÀI LIỆU NỘI BỘ/QUY TRÌNH QUẢN LÝ HỆ THỐNG



STT	Tên tài liệu	Số hiệu	Người soạn thảo	Người phê duyệt	Ngày hiệu lực	Lần sửa đổi/Ban hành			Người giữ tài liệu					
						I	II	III	1	2	3	4	5	
1	Sổ tay chất lượng	STCL	KS. Hoàng Thành	KS. Nguyễn Chơn Xuân	20/7/20		x		x	x	x	x		
2	Chính sách chất lượng	CSCL	KS. Hoàng Thành	KS. Nguyễn Chơn Xuân	20/7/20		x		x	x	x	x		
3	Mục tiêu chất lượng	MTCL	KS. Hoàng Thành	KS. Nguyễn Chơn Xuân	20/7/20		x		x	x	x	x		
4	Thủ tục kiểm soát tài liệu	TT01-KSTL	KS. Hoàng Thành	KS. Nguyễn Chơn Xuân	20/7/20		x		x	x	x	x		
5	Thủ tục xem xét hợp đồng	TT02-XXHD	KS. Hoàng Thành	KS. Nguyễn Chơn Xuân	20/7/20		x		x	x	x	x		
6	Thủ tục hợp đồng phụ	TT03-HDP	KS. Hoàng Thành	KS. Nguyễn Chơn Xuân	20/7/20		x		x	x	x	x		
7	Thủ tục Mua dịch vụ và vật dụng thí nghiệm	TT04-MVTN	KS. Hoàng Thành	KS. Nguyễn Chơn Xuân	20/7/20		x		x	x	x	x		
8	Thủ tục bảo mật	TT05-BM	KS. Hoàng Thành	KS. Nguyễn Chơn Xuân	20/7/20		x		x	x	x	x	x	
9	Thủ tục giải quyết khiếu nại	TT06-GQKN	KS. Hoàng Thành	KS. Nguyễn Chơn Xuân	20/7/20		x		x	x	x	x	x	
10	Thủ tục kiểm soát công việc không phù hợp	TT07-KPH	KS. Hoàng Thành	KS. Nguyễn Chơn Xuân	20/7/20		x		x	x	x	x		

Ghi chú

11	Thủ tục cải tiến	TT08-CT	KS. Hoàng Thành	KS. Nguyễn Chơn Xuân	20/7/20		x		x	x	x			
12	Thủ tục khắc phục, phòng ngừa	TT09-KPPN	KS. Hoàng Thành	KS. Nguyễn Chơn Xuân	20/7/20		x		x	x	x			
13	Thủ tục kiểm soát hồ sơ	TT10-KSHS	KS. Hoàng Thành	KS. Nguyễn Chơn Xuân	20/7/20		x		x	x	x	x		
14	Thủ tục đánh giá nội bộ	TT11-ĐGNB	KS. Hoàng Thành	KS. Nguyễn Chơn Xuân	20/7/20		x		x	x	x	x		
15	Thủ tục xem xét lãnh đạo	TT12-XXLD	KS. Hoàng Thành	KS. Nguyễn Chơn Xuân	20/7/20		x		x	x	x	x		
16	Thủ tục nhân sự	TT13-NS	KS. Hoàng Thành	KS. Nguyễn Chơn Xuân	20/7/20		x		x	x	x	x		
17	Thủ tục kiểm soát môi trường	TT14-KSMT	KS. Hoàng Thành	KS. Nguyễn Chơn Xuân	20/7/20		x		x	x	x	x		
18	Thủ tục phương pháp thử nghiệm và xác nhận giá trị sử dụng của phương pháp	TT15-PPTN	KS. Hoàng Thành	KS. Nguyễn Chơn Xuân	20/7/20		x		x	x	x	x		
19	Thủ tục kiểm soát thiết bị	TT16-KSTB	KS. Hoàng Thành	KS. Nguyễn Chơn Xuân	20/7/20		x		x	x	x	x		
20	Thủ tục liên kết chuẩn đo lường	TT17-HCTB	KS. Hoàng Thành	KS. Nguyễn Chơn Xuân	20/7/20		x		x	x	x	x		
21	Thủ tục lấy mẫu	TT18-LM	KS. Hoàng Thành	KS. Nguyễn Chơn Xuân	20/7/20		x		x	x	x	x	x	
22	Thủ tục quản lý mẫu thử	TT19-QLMT	KS. Hoàng Thành	KS. Nguyễn Chơn Xuân	20/7/20		x		x	x	x	x	x	



23	Thủ tục bảo đảm chất lượng kết quả thử nghiệm	TT20-ĐBCL	KS. Hoàng Thành	KS. Nguyễn Chơn Xuân	20/7/20		x		x	x	x	x	x	
24	Thủ tục báo cáo kết quả thử nghiệm	TT21-BCKQ	KS. Hoàng Thành	KS. Nguyễn Chơn Xuân	20/7/20		x		x	x	x	x	x	
25	Thủ tục độ không đảm bảo đo	TT22-KĐBĐ	KS. Hoàng Thành	KS. Nguyễn Chơn Xuân	20/7/20		x		x	x	x	x		
26	Thủ tục thử nghiệm thành thạo	TT23-TNTT	KS. Hoàng Thành	KS. Nguyễn Chơn Xuân	20/7/20		x		x	x	x	x		
27	Thủ tục đào tạo	TT24-ĐT	KS. Hoàng Thành	KS. Nguyễn Chơn Xuân	20/7/20		x		x	x	x	x		

1. Giám đốc

2. Trưởng phòng

3. Cán bộ QLHT

4. Cán bộ QLKT

5. Bộ phận nhận mẫu

Vũng Tàu, ngày 20 tháng 7 năm 2020.



Giám đốc

Nguyễn Chơn Xuân

DANH MỤC TÀI LIỆU BÊN NGOÀI/TIÊU CHUẨN KỸ THUẬT

Stt	Tên tài liệu	Số hiệu	Ngày cập nhật hệ thống	Người giữ tài liệu
1	Lấy mẫu và chuẩn bị mẫu thử	TCVN 4787:09	01/4/2026	(2)
2	Xác định độ mịn của xi măng; Khối lượng riêng của xi măng.	TCVN 13605:23	01/4/2026	(2)
3	Xác định độ dẻo tiêu chuẩn; Thời gian đông kết và tính ổn định thể tích.	TCVN 6017:15 TCVN 10653:15	01/4/2026	(2)
4	Xác định giới hạn bền nén và bền uốn.	TCVN 6016:11 TCVN 3736:82	01/4/2026	(2)
5	Lấy mẫu, chế tạo và bảo dưỡng mẫu thử.	TCVN 3105:22	01/4/2026	(2)
6	Xác định độ sụt của hỗn hợp bê tông	TCVN 3106:22	01/4/2026	(2)
7	Xác định khối lượng thể tích của hỗn hợp bê tông	TCVN 3108:93	01/4/2026	(2)
8	Xác định độ tách vữa và độ tách nước.	TCVN 3109:22	01/4/2026	(2)
9	Xác định phân tích thành phần hỗn hợp bê tông nặng.	TCVN 3110:93	01/4/2026	(2)
10	Xác định khối lượng riêng và độ rỗng.	TCVN 3112:22	01/4/2026	(2)
11	Xác định độ hút nước	TCVN 3113:22	01/4/2026	(2)
12	Xác định độ mài mòn của bê tông	TCVN 3114:22	01/4/2026	(2)
13	Xác định khối lượng thể tích của bê tông	TCVN 3115:22	01/4/2026	(2)
14	Xác định độ chống thấm nước của bê tông	TCVN 3116:22	01/4/2026	(2)
15	Xác định giới hạn bền khi nén	TCVN 3118:22 ASTM C39/C39M:21	01/4/2026	(2)
16	Lựa chọn thành phần bê tông các loại.	CDKT 778/1998/QĐ-BXD	01/4/2026	(2)
17	Thiết kế thành phần mẫu hình trụ - bê tông cường độ cao	TCVN 10306:14	01/4/2026	(2)
18	Lấy mẫu	TCVN 7572-1:06	01/4/2026	(2)
19	Xác định thành phần hạt cỡ hạt	TCVN 7572-2:06 TCVN 14135-5:24 TCVN 13754:23 AASHTO T27:23 ASTM C136/C136M:19	01/4/2026	(2)



20	Xác định khối lượng riêng, khối lượng thể tích và độ hút nước.	TCVN7572-4:06 TCVN 8735:12 AASHTO T84:22 AASHTO T85:21 ASTM C127, 128:12	01/4/2026	(2)
21	Xác định khối lượng riêng, khối lượng thể tích và độ hút nước của đá gốc và cốt liệu lớn.	TCVN7572-5:06 AASHTO T85:21 ASTM C127:12	01/4/2026	(2)
22	Xác định khối lượng thể tích xộp và độ hồng	TCVN7572-6:06 AASHTO T19/ T19M:04	01/4/2026	(2)
23	Xác định độ ẩm	TCVN 7572-7:06 AASHTO T255 (25)	01/4/2026	(2)
24	Xác định hàm lượng bùn, bụi, sét trong cốt liệu và hàm lượng sét cục trong cốt liệu nhỏ	TCVN 7572-8:06 TCVN 13754:23 AASHTO T11:20 AASHTO T 112:22 ASTM C117:13 ASTM C142/C142M:17	01/4/2026	(2)
25	Xác định tạp chất hữu cơ	TCVN 7572-9:06 TCVN 8726:12 TCVN 13754:23	01/4/2026	(2)
26	Xác định cường độ và hệ số hóa mềm đá gốc	TCVN 7572-10:06	01/4/2026	(2)
27	Xác định độ nén đập và hệ số hóa mềm của cốt liệu lớn	TCVN 7572-11:06 TCVN 6221:97	01/4/2026	(2)
28	Xác định độ hao mài mòn khi va đập của cốt liệu lớn (Los Angeles)	TCVN 7572-12:06 AASHTO T96:22 ASTM C131:01	01/4/2026	(2)
29	Xác định hàm lượng hạt thoi dẹt trong cốt liệu lớn	TCVN 7572-13:06 AASHTO T 335:09	01/4/2026	(2)
30	Xác định khả năng phản ứng kiềm - silic	TCVN 7572-14:06	01/4/2026	(2)
31	Xác định hàm lượng clorua	TCVN 7572-15:06 TCVN 13754:23	01/4/2026	(2)
32	Xác định hàm lượng sunfat và sunfit trong cốt liệu nhỏ.	TCVN 7572-16:06 TCVN 13754:23	01/4/2026	(2)
33	Xác định hàm lượng hạt mềm yếu, phong hóa	TCVN 7572-17:06 AASHTO T112:23	01/4/2026	(2)
34	Xác định hàm lượng hạt bị đập vỡ.	TCVN 7572-18:06	01/4/2026	(2)
35	Xác định hàm lượng mica trong cốt liệu	TCVN 7572-20:06	01/4/2026	(2)



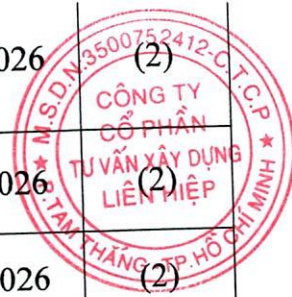
78	Xác định độ rỗng cốt liệu	TCVN 8860-10:11 AASHTO T209:20 AASHTO T269:24	01/4/2026	(2)
79	Phương pháp xác định độ rỗng lấp đầy nhựa	TCVN 8860-11:11 AASHTO T209:20	01/4/2026	(2)
80	Xác định độ ổn định còn lại của bê tông nhựa	TCVN 8860-12:11 AASHTO T245:22	01/4/2026	(2)
81	Xác định độ góc cạnh của cốt liệu thô	TCVN 11807:17	01/4/2026	(2)
82	Thiết kế thành phần cấp phối BTN theo phương pháp Marshall	TCVN 8820:11	01/4/2026	(2)
83	Phương pháp lấy mẫu	TCVN 7494:05 (ASTM D 140:01)	01/4/2026	(2)
84	Xác định độ kim lún.	TCVN 7495:05 (ASTM D5:97)	01/4/2026	(2)
85	Xác định độ kéo dài	TCVN 7496:05 (ASTM D113:99).	01/4/2026	(2)
86	Xác định điểm hóa mềm (dụng cụ vòng và bi)	TCVN 7497:05 (ASTM D 36:00)	01/4/2026	(2)
87	Xác định điểm chớp cháy và điểm cháy bằng thiết bị thử cốc hở Cleveland.	TCVN 7498:05 (ASTM D 92:02b) TCVN 8818-2:11	01/4/2026	(2)
88	Xác định tổn thất khối lượng sau gia nhiệt.	TCVN 7499:05 (ASTM D 6:00)	01/4/2026	(2)
89	Xác định độ hòa tan trong Tricloroethylene và N-Propyl bromide	TCVN 7500:23 (ASTM D2042-2015, ASTM D7553-15)	01/4/2026	(2)
90	Xác định khối lượng riêng (Phương pháp Pycnometer)	TCVN 7501:05 (ASTM D 70-03)	01/4/2026	(2)
91	Xác định hàm lượng Paraphin bằng phương pháp chưng cất.	TCVN 7503:05	01/4/2026	(2)
92	Xác định độ dính bám đối với đá	TCVN 7504:05	01/4/2026	(2)
93	Xác định giới hạn chảy - dẻo, chỉ số dẻo	TCVN 4197:12	01/4/2026	(2)
94	Thành phần hạt	TCVN 12884-2:20	01/4/2026	(2)
95	Xác định độ ẩm	TCVN 12884-2:20	01/4/2026	(2)
96	Xác định hệ số thích nước	TCVN 12884-2:20	01/4/2026	(2)
97	Xác định khối lượng riêng	22TCN 58:84 TCVN 8735:12	01/4/2026	(2)
98	Xác định KLR của bột khoáng chất và nhựa đường	22TCN 58:84	01/4/2026	(2)



36	Xác định hệ số đương lượng cát (ES) của đất và cốt liệu.	AASHTO T176 ASTM D2419 TCVN 14134-5:24	01/4/2026	(2)
37	Xác định hàm lượng vỏ sò.	TCVN 13754:23	01/4/2026	(2)
38	Xác định hàm lượng hạt mịn hơn 0,075mm.	TCVN 14135-4:24 TCVN 9205:12 AASHTO T11:212 ASTM C117:13	01/4/2026	(2)
39	Xác định góc dốc tự nhiên của cát	AASHTO T191:14 (2018)	01/4/2026	(2)
40	Xác định chỉ số sức chịu tải CBR và độ trương nở.	TCVN 12792:20	01/4/2026	(2)
41	Xác định giới hạn dẻo, chỉ số dẻo, tích số dẻo IP.	TCVN 4197:12 AASHTO T89:22	01/4/2026	(2)
42	Xác định kích thước hạt cốt liệu lớn nhất.	TCVN 3121-1:22	01/4/2026	(2)
43	Xác định độ lưu động của vữa tươi (phương pháp bàn dẫn)	TCVN 3121-3:22	01/4/2026	(2)
44	Xác định khối lượng thể tích của vữa tươi	TCVN 3121-6:22	01/4/2026	(2)
45	Xác định khối lượng thể tích của mẫu vữa đông rắn	TCVN 3121-10:22	01/4/2026	(2)
46	Xác định cường độ uốn và nén của vữa	TCVN 3121-11:22	01/4/2026	(2)
47	Xác định độ hút nước của vữa đông rắn	TCVN 3121-18:22	01/4/2026	(2)
48	Thiết kế thành phần cấp phối vữa	TCVN 4459:87	01/4/2026	(2)
49	Đất xây dựng - Lấy mẫu, bao gói, vận chuyển và bảo quản mẫu	TCVN 2683:12	01/4/2026	(2)
50	Xác định khối lượng riêng (tỷ trọng)	TCVN 4195:12	01/4/2026	(2)
51	Xác định độ ẩm và độ hút nước	TCVN 4196:12	01/4/2026	(2)
52	Xác định giới hạn dẻo, giới hạn chảy	TCVN 4197:12 TCVN 14134-4:24 AASHTO T89:22	01/4/2026	(2)
53	Xác định thành phần cơ hạt	TCVN 4198:14 TCVN 14134-3:24 TCVN 14135-5:24	01/4/2026	(2)
54	Xác định sức chống cắt trên máy cắt phẳng	TCVN 4199:95 TCVN 8725:12	01/4/2026	(2)
55	Xác định tính nén lún trong điều kiện không nở hông	TCVN 4200:12	01/4/2026	(2)
56	Xác định độ chặt tiêu chuẩn	TCVN 4201:12	01/4/2026	(2)
57	Xác định khối lượng thể tích	TCVN 4202:12	01/4/2026	(2)



58	Đảm nén đất, cát, đá dăm trong phòng thí nghiệm	TCVN 12790:20 AASHTO T99:22 AASHTO T180:22	01/4/2026	(2)
59	Thí nghiệm sức chịu tải của đất, đá (CBR) – trong phòng thí nghiệm	TCVN 12792:20 AASHTO T193:22	01/4/2026	(2)
60	Hàm lượng chất hữu cơ có trong đất bằng phương pháp lò nung.	AASHTO T267:22	01/4/2026	(2)
61	Xác định hệ số thấm K	TCVN 8723:12 ASTM D2434	01/4/2026	(2)
62	Xác định kích thước hình học	TCVN 11227-2:15 ISO 10799-2:11	01/4/2026	(2)
63	Thử kéo vật liệu kim loại.	TCVN 197-1:14 ISO 6892-1:2009 ASTM A370-24a	01/4/2026	(2)
64	Thử uốn vật liệu kim loại	TCVN 198 : 08 ISO 7438:05 ASTM A370-24a	01/4/2026	(2)
65	Kiểm tra chất lượng mối hàn - thử uốn	TCVN 5401:10 ISO 5173:09	01/4/2026	(2)
66	Thử phá hủy mối hàn kim loại – thử kéo ngang	TCVN 8310:10 ISO 4136:01	01/4/2026	(2)
67	Thử phá hủy mối hàn kim loại – thử kéo dọc	TCVN 8311:10 ISO 5178:01	01/4/2026	(2)
68	Thử cấp độ bền ren của bulông, vít, vít cấy và đai ốc.	TCVN 197-1:14 ASTM A370-24a	01/4/2026	(2)
69	Xác định độ ổn định, độ dẻo Marshall	TCVN 8860-1:11 AASHTO T245:22	01/4/2026	(2)
70	Xác định hàm lượng nhựa bằng phương pháp chiết sử dụng máy quay li tâm.	TCVN 8860-2:11 AASHTO T164:22	01/4/2026	(2)
71	Xác định thành phần hạt.	TCVN 8860-3:11 AASHTO T27:24	01/4/2026	(2)
72	Xác định tỷ trọng lớn nhất, khối lượng riêng của bê tông nhựa ở trạng thái rời.	TCVN 8860-4:11 AASHTO T209:23	01/4/2026	(2)
73	Xác định tỷ trọng khối, khối lượng thể tích của bê tông nhựa đã đảm nén.	TCVN 8860-5:11 AASHTO T166:22	01/4/2026	(2)
74	Xác định độ chảy nhựa	TCVN 8860-6:11	01/4/2026	(2)
75	Xác định độ góc cạnh của cát	TCVN 8860-7:11	01/4/2026	(2)
76	Xác định hệ số độ chặt lu lèn	TCVN 8860-8:11	01/4/2026	(2)
77	Xác định độ rỗng dư	TCVN 8860-9:11 AASHTO T269:24	01/4/2026	(2)



99	Xác định hàm lượng mất khi nung	22TCN 58:84	01/4/2026	(2)
100	Xác định KLTT và độ rỗng của bột khoáng chất	22TCN 58:84	01/4/2026	(2)
101	Xác định hệ số hao nước	22TCN 58:84	01/4/2026	(2)
102	Xác định hàm lượng chất hòa tan trong nước	22TCN 58:84	01/4/2026	(2)
103	Xác định KLTT và độ rỗng dư của hỗn hợp bột khoáng chất và nhựa đường	22TCN 58:84	01/4/2026	(2)
104	Xác định độ trương nở thể tích của hỗn hợp bột khoáng với nhựa	22TCN 58:84	01/4/2026	(2)
105	Xác định chỉ số về hàm lượng nhựa của bột khoáng	22TCN 58:84	01/4/2026	(2)
106	Đo dung trọng, độ ẩm của đất bằng pp dao đai.	22 TCN 02:71 TCVN 8729:12 TCVN 8730:12 TCVN 12791:20	01/4/2026	(2)
107	Xác định độ chặt nền, móng đường bằng phễu rót cát.	22 TCN 346:06 TCVN 8729:12 TCVN 8730:12 AASHTO T191:14	01/4/2026	(2)
108	Xác định độ bằng phẳng bằng thước dài 3m	TCVN 8864:11	01/4/2026	(2)
109	Phương pháp thử nghiệm xác định môđun đàn hồi "E" nền đường bằng tấm ép cứng.	TCVN 8861:11	01/4/2026	(2)
110	Xác định độ võng đàn hồi bằng phương pháp cần Benkelman.	TCVN 8867:25	01/4/2026	(2)
111	Kiểm tra độ nhám mặt đường bằng phương pháp rắc cát.	TCVN 8866:11	01/4/2026	(2)
112	Thí nghiệm đo điện trở nổi đất	TCVN 9385:12 BS 6651:99	01/4/2026	(2)
113	Phương pháp xác định mô đun biến dạng hiện trường bằng tấm ép phẳng.	TCVN 9354:12	01/4/2026	(2)
114	Cọc – phương pháp thí nghiệm bằng tải trọng tĩnh ép dọc trục	TCVN 9393:12	01/4/2026	(2)
115	Thí nghiệm CBR – ngoài hiện trường	TCVN 8821:11	01/4/2026	(2)
116	Xác định sức kháng trượt của bề mặt đường bằng pp con lăn Anh.	TCVN 10271:14	01/4/2026	(2)
117	Xác định cường độ bê tông trên mẫu lấy từ kết cấu.	TCVN 12252:20 TCXDVN 239:06	01/4/2026	(2)
118	Bê tông nặng – Phương pháp xác định cường độ nén bằng súng bật nảy.	TCVN 9334:12	01/4/2026	(2)



119	Phương pháp không phá hoại sử dụng kết hợp máy đo siêu âm và súng bật nảy để xác định cường độ nén của bê tông.	TCVN 9335:12	01/4/2026	(2)
120	Đánh giá chất lượng bê tông bằng phương pháp siêu âm.	TCVN 9357:12 TCVN 13536:22 TCVN 13537:22	01/4/2026	(2)
121	Xác định kích thước và khuyết tật ngoại quan	TCVN 6355-1:09	01/4/2026	(2)
122	Xác định cường độ bền nén	TCVN 6355-2:09	01/4/2026	(2)
123	Xác định cường độ bền uốn	TCVN 6355-3:09	01/4/2026	(2)
124	Xác định độ hút nước	TCVN 6355-4:09	01/4/2026	(2)
125	Xác định khối lượng thể tích	TCVN 6355-5:09	01/4/2026	(2)
126	Xác định độ rỗng	TCVN 6355-6:09	01/4/2026	(2)
127	Xác định kích thước và khuyết tật ngoại quan	TCVN 6477:16	01/4/2026	(2)
128	Xác định cường độ nén	TCVN 6477:16	01/4/2026	(2)
129	Xác định độ hút nước	TCVN 6355-4:09	01/4/2026	(2)
130	Xác định độ rỗng	TCVN 6477:16	01/4/2026	(2)
131	Xác định độ thấm nước	TCVN 6477:16	01/4/2026	(2)
132	Xác định kích thước và khuyết tật ngoại quan	TCVN 6476:99	01/4/2026	(2)
133	Xác định cường độ nén	TCVN 6476:99	01/4/2026	(2)
134	Xác định độ hút nước	TCVN 6355-4:09	01/4/2026	(2)
135	Xác định độ mài mòn	TCVN 6065:95	01/4/2026	(2)
136	Xác định kích thước và khuyết tật ngoại quan	TCVN 7744:13 TCVN 6065:95	01/4/2026	(2)
137	Xác định độ hút nước bề mặt	TCVN 7744:13	01/4/2026	(2)
138	Xác định cường độ bền uốn	TCVN 6355-3:09	01/4/2026	(2)
139	Xác định độ mài mòn (mất khối lượng bề mặt)	TCVN 6065:95	01/4/2026	(2)
140	Xác định độ chịu lực va đập xung kích.	TCVN 6065:95	01/4/2026	(2)
141	Xác định tải trọng uốn gãy toàn viên.	TCVN 6065:95	01/4/2026	(2)
142	Xác định độ cứng lớp mặt.	TCVN 6065:95	01/4/2026	(2)
143	Xác định khối lượng thể tích khô lớn nhất và độ ẩm tốt nhất của hỗn hợp.	22 TCN 59 : 84 TCVN 12790:20	01/4/2026	(2)

144	Xác định cường độ kháng ép.	22 TCN 59 : 84	01/4/2026	(2)
145	Thí nghiệm xác định mô đun biến dạng.	22 TCN 59 : 84	01/4/2026	(2)
146	Độ ổn định sau 5 chu kỳ bão hòa – sấy.	22 TCN 59 : 84	01/4/2026	(2)
147	Xác định cường độ kháng kéo	22 TCN 59 : 84	01/4/2026	(2)
148	Xác định cường độ kéo khi ép chẻ của vật liệu hạt liên kết bằng các chất kết dính	22 TCN 59 : 84	01/4/2026	(2)
149	Xác định cường độ chịu nén.	TCVN 8858:23	01/4/2026	(2)
150	Xác định cường độ chịu kéo khi ép chẻ	TCVN 8862:11	01/4/2026	(2)

1. Giám đốc

2. Trưởng phòng

3. Cán bộ QLHT

4. Cán bộ QLKT

TP.HCM, ngày 01 tháng 4 năm 2026.

Giám đốc



Nguyễn Chơn Xuân